

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/02/2021.

Về việc: “*Ly hôn, trả chấp nuôi con*”

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Linh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: **Phạm Đức Minh**.

2. Bà: **Lê Thị Sáu**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2020 về việc “*Ly hôn, trả chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2021; thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị ThA T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 09, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Lê Văn A, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 09, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

\* Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A tìm hiểu yêu nhau được hai năm thì quyết định sống chung và đăng ký kết hôn UBND xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/11/2012. Hôn nhân là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A ngoại tình, không quan tâm vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay không ai quan tâm ai, nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông A.

\* Về phần con chung: Bà T trình bà vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Lê Nguyễn Hải Yến, sinh ngày 27/6/2013 và cháu Lê Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 18/9/2014. Bà T có nguyện vọng nhận nuôi cháu Yến, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao cháu Bảo cho ông A nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung, Về nợ chung: Không có.

**Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông A trình bày:**

\* Về quan hệ hôn nhân: Ông A xác nhận bà T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng làm ăn thua lỗ, ông có người phụ nữ khác, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2020, tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

\* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà T trình bày, ly hôn ông có nguyện vọng nuôi cháu Bảo, đồng ý giao cháu Yến cho bà T nuôi, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung, Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề xữ cho bà T và ông A được ly hôn với nhau; giao cháu Yến cho bà T nuôi dưỡng, giao cháu Bảo cho ông A nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và buộc bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về tố tụng:** Bà T, ông A có đơn đề nghị vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

**2. Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A kết hôn UBND xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/11/2012; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông A là hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương thể hiện do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà T, ông A thường cãi nhau, ông A đuổi và cấm bà T thăm con, mỗi lần bà T muốn được thăm và đón con đều nhờ Chính quyền địa phương can thiệp. Mặt khác, quá trình làm việc ông A thừa nhận có ngoại tình với người đàn bà khác và vợ chồng đã ly thân nhưng không muốn ly hôn. Mặt dù ông A muốn tiếp tục chung sống với bà T nhưng không có động thái tích cực nào để níu kéo tình cảm. Điều này cho thấy hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà T, xử cho bà T và ông A được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy điều kiện nuôi con của bà T, ông A là ngang nhau, bà T

có nguyện vọng nuôi cháu Yến phù hợp với nguyện vọng của cháu; ông A có nguyện vọng nuôi cháu Bảo là hoàn toàn phù hợp nên cần chấp nhận. Do mỗi người nuôi một con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn, theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị ThA T về việc “*Ly hôn, trA chấp nuôi con*” với ông Lê Văn A, xử cho bà Nguyễn Thị ThA T và ông Lê Văn A được ly hôn với nhau.

**2. Về con chung:** Giao cháu Lê Nguyễn Hải Yến, sinh ngày 27/6/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Giao cháu Lê Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 18/9/2014 cho ông A nuôi dưỡng; bà T và ông A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

*“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”*

**3. Về án phí:** Buộc bà Nguyễn Thị ThA T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004653 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Bà T đã nộp xong).

**4. Về quyền kháng cáo:** Bà T, ông A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng <sup>(2)</sup>
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đức Minh**

**Lê Thị Sáu**

**Nguyễn Văn Linh**

